

An Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-35cm và cao hơn TBNN từ 10-25cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 35-40cm và cao hơn TBNN từ 15-25cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm, một số trạm xuống nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 27/5 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-50cm; phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước biến đổi chậm, đỉnh triều trạm Xẻo Rô ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm trong 5 ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế lên chậm trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong ngày đầu, sau có xu thế lên nhanh do ảnh hưởng mưa nội đồng.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế lên chậm theo triều tới ngày 02/6 và ở mức dưới BĐL.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

29/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	27/05		26/05						28/05	29/05	30/05	31/05	01/06
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	116	1	▲	-37	▼	9	▲	118	121	126	131	136
					Hmin	-9	14	▲	-4	▼	-11	▼	-18	-23	-24	-25	-26
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	120	-4	▼	-34	▼	19	▲	122	125	130	135	140
					Hmin	-19	13	▲	7	▲	15	▲	-34	-39	-40	-41	-42
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	113	-2	▼	-29	▼	6	▲	115	118	123	128	133
					Hmin	34	7	▲	-14	▼	4	▲	24	19	18	17	16
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	130	-1	▼	-39	▼	20	▲	132	135	140	145	150
					Hmin	-9	14	▲	0	◀▶	0	◀▶	-23	-28	-29	-30	-31
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	132	-2	▼	-42	▼	27	▲	134	137	142	147	152
					Hmin	-15	10	▲	13	▲	35	▲	-33	-38	-39	-40	-41
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	120	-2	▼	-41	▼	14	▲	122	125	130	135	140
					Hmin	-18	13	▲	4	▲	6	▲	-33	-38	-39	-40	-41
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	16	-8	▼	-51	▼	-21	▼	11	21	36	41	46
					Hmin	-6	-9	▼	-38	▼	-17	▼	-10	-15	5	15	25
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	18	-13	▼	-40	▼	-10	▼	9	19	39	44	49
					Hmin	6	-11	▼	-34	▼	-16	▼	-1	-5	15	35	40
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	29	-17	▼	-37	▼	-20	▼	19	29	49	54	59
					Hmin	16	-12	▼	-30	▼	-23	▼	9	5	25	45	50
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	22	-16	▼	-45	▼	-24	▼	15	25	45	50	55
					Hmin	12	-10	▼	-37	▼	-24	▼	5	1	21	41	46
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	30	-15	▼	-39	▼	-20	▼	23	33	53	58	63
					Hmin	20	-9	▼	-36	▼	-21	▼	13	9	29	49	54
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	24	-5	▼	-42	▼	-14	▼	19	29	44	49	54
					Hmin	0	-4	▼	-34	▼	-13	▼	-4	-9	11	21	31
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	46	-9	▼	-27	▼	11	▲	41	51	66	71	76
					Hmin	27	-8	▼	-29	▼	3	▲	23	18	38	48	58
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	34	-11	▼	-38	▼	-16	▼	31	36	51	56	61
					Hmin	21	-7	▼	-34	▼	-16	▼	16	13	28	38	43
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	34	-12	▼	-19	▼	12	▲	31	36	51	56	61
					Hmin	20	-10	▼	-16	▼	7	▲	15	12	27	37	42
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	63	-8	▼	-33	▼	10	▲	60	65	80	85	90
					Hmin	46	-3	▼	-26	▼	12	▲	41	38	53	63	68
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	81	-3	▼	-41	▼	10	▲	76	86	101	106	111
					Hmin	40	2	▲	-29	▼	6	▲	36	31	41	51	61
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	53	-5	▼	-35	▼	-5	▼	50	55	70	75	80
					Hmin	31	-2	▼	-31	▼	-5	▼	26	23	38	48	53

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	41	-9	▼	-35	▼	-17	▼	38	43	58	63	68
					Hmin	28	-5	▼	-29	▼	-14	▼	23	20	35	45	50
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	27	-8	▼	-33	▼	-11	▼	24	29	44	49	54
					Hmin	16	-5	▼	-28	▼	0	◀▶	11	8	23	33	38
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	9	-15	▼	-32	▼	-26	▼	14	24	29	34	39
					Hmin	-10	-4	▼	-17	▼	15	▲	-14	-16	-6	4	9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	34	-1	▼	-30	▼	-7	▼	40	47	53	57	60
					Hmin	-22	-3	▼	22	▲	15	▲	-26	-28	-30	-32	-34

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





